TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2018/DS-ST Ngày 12/7/2018 Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: bà Phan Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạn –Cán bộ hưu trí.
2. Ông Quàng Văn Pậu – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên toà: bà Cà Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1954 và bà Điêu Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: ông Đinh Công H, sinh năm 1960 và bà Đoàn Kim X, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 94, tổ Y, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ và bà Điêu Thị N trình bày:

Ông Nguyễn Duy Đ xác nhận giữa ông và bà Điêu Thị N không có đăng kí kết hôn chỉ sống chung với nhau, việc bà N ký trong hợp đồng thực chất là người làm chứng.

Năm 2014 ông H nhiều lần "gạ" vay tiền ông Đ và hứa mua giúp ông Đ đất nông nghiệp ở bản Hẹo, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, ông Đ đồng ý cho ông H, bà X vay 1.100.000.000,đ (một tỷ một trăm triệu đồng) trong một năm không lấy lãi.

Đến tháng 7/2015 ông H không mua được đất cho ông Đ nhưng đã tiêu hết tiền. Ông Đ đòi tiền thì ông H gán nợ bằng việc bán cho ông Đ 01 nhà khung sắt sân cầu lông trị giá 300.000.000,đ (ba trăm triệu đồng). Ông Đ nhất trí cho ông H vay và ông Đ giữ bìa đỏ mang tên Quàng Văn D. Trong đó ngày 15/7/2015 viết Hợp đồng vay tiền mặt số tiền 800.000.000,đ (tám trăm triệu đồng).

Ngày 18/7/2016 ông H vay ông Đ tiếp 2.000.000.000,đ (hai tỷ đồng).

Tháng 12/2016 ông Đ gặp sự cố ốm đau, để đề phòng bất trắc ông Đ đã chuyển giao việc đòi nợ cho em gái là Nguyễn Thị Thanh N1 - Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vợ chồng H X đồng ý, hai bên cùng nhau thống nhất chốt lại toàn bộ khoản vay với lãi xuất hàng tháng chưa trả kể từ khi vay đến ngày 15/12/2016 là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Nhưng thực tế đây là số tiền của ông Đ cho ông H, bà X vay không phải tiền của bà N1. Ông Đ cam đoan và khẳng định đây là tiền của cá nhân ông, không phải tiền của bà N1, hay tiền của bà N góp chung.

Ông Nguyễn Duy Đ đề nghị ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X thanh toán số tiền gốc tính đến ngày 15/12/2016 là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn là 1% tháng; tiền lãi quá hạn 150%/năm cho đến nay. Ông Đ xác nhận ông H, bà X đã trả 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) nhưng đây là một phần tiền lãi.

Ý kiến bà Điêu Thị N xác nhận giữa bà và ông Đ không có đăng ký kết hôn chỉ sống chung với nhau như vợ chồng. Việc ông Đ cho ông H, bà X vay tiền bà có biết, việc ông Đ bảo bà ký tên vào các hợp đồng là có thật. Toàn bộ số tiền ông Đ cho ông H bà X vay là tiền riêng của ông Đ. Thực tế bà ký vào văn bản cho vay chỉ là người làm chứng cho việc vay nợ giữa hai bên.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X trình bày:

Ông H, bà X xác nhận có vay tiền của ông Đ, bà N tuy nhiên số tiền xác nhận với nhau ngày 25/7/2017 là 2.740.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng). Ông H, bà X cố gắng thu xếp để thanh toán nợ cho vợ chồng ông Đ. Trước thời điểm làm giấy cam kết 25/7/2017 đã trả tiền gốc và lãi một số lần. Tổng số đã trả là 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Ông H, bà X xác nhận đến thời điểm 31/12/2017 chưa thu xếp trả đủ số tiền trả như đã cam kết ngày 25/7/2017, ông H, bà X đã chủ động đề nghị với ông Đ là đồng ý bán nhà nghỉ kinh doanh đang ở, nếu ông Đ mua thì bán nhà với giá thỏa thuận và thanh toán nợ. Nhưng ông Đ không có nhu cầu. Trước tình hình đó gia đình ông H, bà X đang rao bán nhà để thanh toán nợ cho ông Đ. Vì nhà chưa bán được nên ông H, bà X chưa thanh toán được kịp thời số nợ với ông Đ như đã cam kết, chứ không có ý đồ dây dưa hay tranh chấp gì với số tiền đã vay. Ông H, bà X đã chủ động khất nợ nhưng ông Đ không nhất trí.

Ông H, bà X xác nhận vợ chồng ông bà chỉ vay tiền của ông Đ và có trách nhiệm trả tiền cho ông Đ, không vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh N1, ông Đ cũng xác nhận nội dung này nên đã khởi kiện và nhất trí với yêu cầu khởi kiện, việc ký kết hợp đồng ngày 16/12/2016 giữa vợ chồng ông bà với bà Nguyễn Thị Thanh N1 (em gái ông Nguyễn Duy Đ) là ký đề phòng bất chắc do ông Đ bị ốm.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Thanh N1 trình bày:

Bà N1 là em gái ông Nguyễn Duy Đ. Tháng 12/2016 anh trai bà là ông Đ gặp sự cố ốm đau do bị cao huyết áp, để đề phòng bất trắc ông Đ đã chuyển giao việc đòi nợ (ông H, bà X) cho bà, số tiền đến ngày 15/12/2016 là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Bà N1 khẳng định đây không phải là tiền của cá nhân bà đã cho ông H, bà X vay mà số tiền này là tiền của cá nhân ông Nguyễn Duy Đ. Bà N1 khẳng định không có tranh chấp gì với ông Đ, hiện ông Đ có đầy đủ sức khỏe để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, việc ông Đ khởi kiện ra tòa không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/4/2018, ông Đ, ông H và bà X đã thống nhất được: ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X còn nợ ông Nguyễn Duy Đ số tiền gốc là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) nhưng hai bên không thống nhất được số tiền lãi; cách thức thanh toán và thời hạn thanh toán.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2018, ông Đ,ông H và bà X đã thống nhất được:

Ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X còn nợ ông Nguyễn Duy Đ:

- Khoản tiền gốc vay: Ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X còn nợ ông Nguyễn Duy Đ số tiền gốc là 2.740.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng);

- Tiền lãi hai bên thống nhất lãi suất vay là 1%/tháng (thời gian tính lãi từ 26/12/2016 đến 11/5/2018) là 480.000.000,đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 3.220.000.000,đ (ba tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 31/10/2018.

Xét thấy các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản hoà giải thành. Đến ngày 16/5/2018 Tòa án đã nhận được đơn đề nghị không nhất trí với nội dung buổi hòa giải ngày 11/5/2018 của ông Nguyễn Duy Đ. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X trả số tiền gốc tính đến ngày 15/12/2016 là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng); lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%/năm. Ông bà H X đã thanh toán được 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X xác nhận đã vay ông Nguyễn Duy Đ tổng cộng tiền gốc + tiền lãi là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng), đã thanh toán được 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Hiện còn 2.750.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nhất trí thanh toán tiền lãi, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Duy Đ, ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X đều công nhận việc vay nợ số tiền số tiền 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) hai bên đã chốt lại với nhau, đã thanh toán được 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Số tiền này là tiền của cá nhân ông Nguyễn Duy Đ cho ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X vay, không liên quan đến bà Điêu Thị N, Nguyễn Thị Thanh N1.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015: Xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật (theo Điều 26, Điều 35); Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập đầy đủ tham gia vụ án theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Hoạt động thu thập chứng cứ đúng theo quy định từ Điều 91 đến Điều 97 BLTTDS; Cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Duy Đ và bà Điêu Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xem xét giải quyết buộc ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X trả số tiền đã vay về hình thức nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ và bà Điêu Thị N là đúng quy định của pháp luật, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Sơn La, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

Năm 2014 ông Đ cho ông H vay số tiền 1.100.000.000,đ (một tỷ một trăm triệu đồng). Đến tháng 7/2015 ông H không trả được nợ nên đã gán nợ cho ông Đ 01 nhà khung sắt khung cầu lông trị giá 300.000.000,đ (ba trăm triệu đồng). Số còn lại ông H viết giấy vay tiền vay ông Đ 800.000.000,đ (tám trăm triệu đồng) với lãi xuất 1,5%/tháng.

Đến ngày 15/7/2016 ông H lại tiếp tục vay ông Đ số tiền 2.000.000.000,đ (hai tỷ đồng) có Hợp đồng vay tiền mặt kiêm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 18/7/2016.

Đến tháng 12/2016 do ông Đ gặp sự cố ốm đau, huyết áp cao mãn tính nên đã chuyển giao việc đòi nợ cho em gái là bà Nguyễn Thị Thanh N1. Vợ chồng ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X cùng bà Nguyễn Thị Thanh N1 thực hiện việc ký kết Hợp đồng vay tiền mặt kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 16/12/2016 số tiền vay là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng).

Ngày 25/7/2017 ông Nguyễn Duy Đ, bà Điêu Thị N và ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X đã viết giấy cam kết với nhau: Gia đình ông H bà X phải trả đủ số tiền cả gốc và lãi đã vay của ông Đ, thời gian ấn định trả tiền vào ngày 31/12/2017 số tiền gốc là 2.740.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

Trong quá trình vay nợ ông H bà X đã trả cho ông Đ số tiền cụ thể các lần:

Ngày 07/01/2017 trả được 120.000.000,đ (một trăm hai mươi triệu đồng);

Ngày 19/6/2017 trả 10.000.000,đ (mười triệu đồng).

Ngày 23/12/2017 trả 100.000.000,đ (một trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền đã thanh toán: 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

[3] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Duy Đ, ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X: ông Đ đã cho ông bà H X vay tiền nhiều lần cụ thể: năm 2014 vay 1.100.000.000,đ (một tỷ một trăm triệu đồng) đã thanh toán 300.000.000,đ (ba trăm triệu đồng) còn nợ lại và viết giấy vay ngày 15/7/2015 là 800.000.000,đ (tám trăm triệu đồng); ngày 15/7/2016 vay số tiền 2.000.000.000,đ (hai tỷ đồng); đến ngày 16/12/2016 hai bên thống nhất chốt lại toàn bộ các khoản vay + lãi xuất chưa thanh toán hàng tháng là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Nhưng số tiền 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) được hai bên thống nhất ký kết với bà Nguyễn Thị Thanh N1 (em gái ông Nguyễn Duy Đ) việc giao kết được lập thành văn bản có công chứng chứng thực.

[4] Xét Hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 16/12/2016, bên cho vay bà Nguyễn Thị Thanh N1; Bên vay tiền ông Đinh Công H bà Đoàn Kim X, số tiền 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng); lãi suất tiền vay 1% tháng; Thời hạn cho vay là 1 năm.

Tại bản tự khai bà N1 thừa nhận số tiền 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) không phải là tiền của cá nhân bà cho ông bà H X vay mà bản chất của sự việc ký kết Hợp đồng này là do anh trai bà là ông Đ bị ốm, để đề phòng bất trắc nên đã chuyển giao việc đòi nợ cho bà vì vậy bà đã ký Hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 16/12/2016. Bà N1 khẳng định không có tranh chấp với ông Động, quyền lợi của bà không bị ảnh hưởng và không yêu cầu đề nghị gì do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về hình thức và nội dung của Hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/12/2016, tuy đã được các bên thực hiện bằng băn bản và được công chứng chứng thực. Nhưng thực tế số tiền cho vay không phải là tiền của bên cho vay bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã cho bên vay ông Đinh Công H, bà Đoàn Kim X vay mượn. Ông Đ, bà N1, ông H, bà X đều xác nhận số tiền là này của ông Đ, ông bà H X xác nhận chỉ vay

tiền ông Đ, không vay tiền bà N1. Việc bà N1, ông H và bà X ký hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/12/2016 nhằm mục đích đề phòng bất trắc chuyển giao việc đòi nợ (do ông Đ ốm nặng) nhưng hiện nay ông Đ là người trực tiếp khởi kiện, bà N1 không có yêu cầu đề nghị gì. Do đó Hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 16/12/2016 giữa bên cho vay bà Nguyễn Thị Thanh N1; Bên vay tiền ông Đinh Công H và Đoàn Kim X không phát sinh hiệu lực thi hành.

[5] Đối với số tiền 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng).

- Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Điêu Thị N, ông Nguyễn Duy Đ đều thừa nhận giữa hai ông bà chỉ sống chung với nhau, không có đăng ký kết hôn việc bà N ký vào hợp đồng vay tiền, giấy cam kết chỉ với tư cách là người làm chứng, bà N khẳng định đây là tiền riêng của ông Đ, bà không có quyền lợi gì và không yêu cầu giải quyết đối với số tiền ông Đ đã cho ông bà H X vay. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa ông H bà X công nhận số nợ là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Ông H và bà X cũng xác nhận chỉ vay tiền ông Đ, không vay tiền bà N1.

Do đó ông Nguyễn Duy Đ có quyền khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

Ông Nguyễn Duy Đ đề nghị ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X thanh toán số tiền gốc là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ 16/12/2016, mức lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%/năm, (ông H bà X đã thanh toán cho ông 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X nhất trí với số tiền vay gốc là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Đã trả cho ông Đ được 230.000.000,đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Hiện chỉ còn nợ 2.750.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nhất trí yêu cầu tính lãi, nhưng lãi suất theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với tiền lãi và thời gian tính lãi.

Số tiền vay ngày 15/7/2015 là 800.000.000,đ (tám trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng.

Số tiền tiền vay ngày 18/7/2016 là 2.000.000.000,đ (hai tỷ đồng) mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng.

Đến ngày 16/12/2016 hai bên thỏa thuận thống nhất chốt lại toàn bộ các khoản vay + với lãi xuất hàng tháng chưa thanh toán đến ngày 15/12/2016 số tiền vay là 2.980.000.000,đ (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng), mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Thời hạn vay là 1 năm.

Do hợp đồng vay tài sản hai bên ký kết với nhau từ năm 2014 đến tháng 7/2016, việc vay tài sản được xác lập trước ngày 01/01/2017 được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, do có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán và lãi suất nên việc tính lãi sẽ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 = 0,75%/tháng.

Số tiền 2.750.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) từ 16/12/2016 đến 12/7/2018 là 18 tháng 24 ngày.

2.750.000.000,đ x 0,75 %/tháng = 20.625.000,đ/tháng.

20.625.000,đ : 30 ngày = 687.000,đ.

20.625.000,đ/tháng x 18 tháng = 371.250.000,đ.

687.000,đ x 24 ngày = 16.500.000,đ.

Tổng cộng tiền lãi là: 387.750.000,đ (ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 2.750.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) + 387.750.000,đ (ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) = 3.137.750.000,đ (ba tỷ một trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 122; Điều 125; Điều 127; Điều 137; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ.

2. Tuyên bố Hợp đồng vay tiền kiêm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 16/12/2016 giữa bên cho vay bà Nguyễn Thị Thanh N1; Bên vay tiền ông Đinh Công H và Đoàn Kim X là vô hiệu.

Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

3. Buộc ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X phải trả cho ông Nguyễn Duy Đ tiền gốc là 2.750.000.000,đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi là 387.750.000,đ (ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 3.137.750.000,đ (ba tỷ một trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Buộc ông Đinh Công H và bà Đoàn Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 94.755.000,đ (chín mươi tư triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Trả lại ông Nguyễn Duy Đ số tiền 45.800.000,đ (bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000408 ngày 12/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Hoa